

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

Bản án số: 222/2017/HSPT
Ngày 06 - 9 - 2017

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành;

Các Thẩm phán: Ông Trần Nam Phương;
Ông Phạm Thành Dương.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Linda – Cán bộ Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Khanh – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 184/2017/HSPT ngày 31 tháng 7 năm 2017 đối với các bị cáo Nguyễn Vũ Hữu Đ và Nguyễn Văn L;

Do có kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Vũ Hữu Đ và Nguyễn Văn L đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 38/2017/HSST ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện T.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Nguyễn Vũ Hữu Đ, sinh năm 1983 tại tỉnh Đồng Nai; hộ khẩu thường trú: Ấp Đ, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Phó Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự xã G; trình độ văn hóa: 12/12; con ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1957 và bà Vũ Thị Kim H, sinh năm 1958; có vợ tên Nguyễn Thị T, sinh năm 1988 và có 02 người con, con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2012; tiền sự: Không; tiền án: Không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 06 tháng 02 năm 2017 đến nay; có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Văn L, sinh năm 1968 tại tỉnh Đồng Nai; hộ khẩu thường trú: Ấp B, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Trưởng ban Mặt trận Tổ quốc ấp B; trình độ văn hóa: 12/12; con ông Nguyễn Văn A, sinh năm 1920 (đã chết) và bà Phạm Thị S, sinh năm 1920 (đã chết); có vợ tên Đinh Thị K, sinh năm 1969 và có 04 người con, con lớn nhất sinh năm 1989, con nhỏ nhất sinh năm 1999; tiền sự: Không; tiền án: Không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 06/02/2017 đến ngày 04/5/2017 được hủy bỏ biện pháp tạm giam, áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

Các bị cáo không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị:

1. Hoàng Thị Thu H, sinh năm 1967 tại tỉnh Đồng Tháp; nơi cư trú: Ấp B, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Làm rẫy; trình độ văn hóa: 7/12; con ông Hoàng Công K, sinh năm 1937 và bà Trần Thị T, sinh năm 1937; có chồng tên Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1965 và có 04 người con, con lớn nhất sinh năm 1989, con nhỏ nhất sinh năm 1997; tiền sự: Không; tiền án: Không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 06/02/2017 đến ngày 09/02/2017 được hủy bỏ biện pháp tạm giam, áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

2. Đỗ Văn K, sinh năm 1967 tại tỉnh Đồng Nai; nơi cư trú: Ấp B, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Làm rẫy; trình độ văn hóa: 7/12; con ông Đỗ Văn Đ, sinh năm 1930 và bà Trịnh Thị K, sinh năm 1935; có vợ tên Trần Thị M, sinh năm 1964 và có 03 người con, con lớn nhất sinh năm 1998, con nhỏ nhất sinh năm 2004; tiền sự: Không; tiền án: Không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 06/02/2017 đến ngày 09/02/2017 được hủy bỏ biện pháp tạm giam, áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

Người tham gia tố tụng khác có liên quan đến kháng cáo:

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Vũ Hữu Đ: Ông Hà Mạnh T, Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư Hà Mạnh T - Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Nai; địa chỉ: Đường Bùi Trọng Nghĩa, Khu phố A, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; có mặt tại phiên tòa.

NHẬN THẤY:

- Theo bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện T và bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện T thì nội dung vụ án được tóm tắt như

sau: Đỗ Hữu Q, sinh năm 1998 và Nguyễn Thành C, sinh năm 1993; cùng cư trú tại: Ấp B, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai; đều là thanh niên trong độ tuổi khám nghĩa vụ quân sự năm 2017. Do không muốn con mình nhập ngũ nên bị cáo Đỗ Văn K (là cha ruột của Đỗ Hữu Q) và bị cáo Hoàng Thị Thu H (là mẹ ruột của Nguyễn Thành C) đã đến gặp bị cáo Nguyễn Văn L nhờ giúp đỡ và được bị cáo L nhận lời.

Bị cáo Nguyễn Văn L liên hệ với bị cáo Nguyễn Vũ Hữu Đ (Phó Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự xã G), đặt vấn đề về việc giúp đỡ C và Q cách thức trốn nghĩa vụ quân sự. Bị cáo Đ đồng ý tìm cách giúp đỡ và thỏa thuận mỗi trường hợp là 3.000.000 đồng (ba triệu đồng). Sau đó, bị cáo Đỗ Văn K và bị cáo Hoàng Thị Thu H đã trực tiếp đến nhà bị cáo L, mỗi người đưa cho bị cáo L số tiền 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) nhằm mục đích thông qua bị cáo L nhờ bị cáo Đ tìm cách giúp C và Q khám sức khỏe không đạt yêu cầu để trốn thực hiện nghĩa vụ quân sự.

Sau khi đồng ý với bị cáo L, bị cáo Đ gọi điện thoại cho Nguyễn Thanh L, sinh năm 1985 (nhân viên của Trung tâm y tế huyện T) nhờ giúp đỡ cho C và Q tìm cách trốn nghĩa vụ quân sự thông qua việc khám sức khỏe. Nguyễn Thanh L không nằm trong Hội đồng khám sức khỏe nghĩa vụ quân sự huyện T năm 2017; tuy nhiên, Thanh L nắm rõ về cách thức khám tuyển và tiêu chuẩn sức khỏe tham gia nghĩa vụ quân sự. Thanh L đồng ý giúp bị cáo Đ bằng cách hướng dẫn hai thanh niên trên cách khai báo khi khám sức khỏe để không đạt tiêu chuẩn tham gia nghĩa vụ quân sự. Bị cáo Đ đưa số điện thoại của C và Q cho Thanh L; để Thanh L hướng dẫn trực tiếp nhưng không thỏa thuận về tiền hoặc lợi ích vật chất. Sau khi nhận được sự đồng ý của Thanh L, vào khoảng tháng 11/2016 (không xác định rõ ngày cụ thể), tại quán Cà phê 7, thuộc ấp B, xã G, bị cáo Đ đã nhận được từ bị cáo L số tiền 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng) để giúp C và Q trốn nghĩa vụ quân sự.

Vào ngày 02/12/2016, ngày khám tuyển sức khỏe nghĩa vụ quân sự cho thanh niên xã G, tại Ban Chỉ huy quân sự huyện T, Nguyễn Thanh L sử dụng số điện thoại 012399575XX gọi vào số điện thoại của Q và C yêu cầu không đi khám nghĩa vụ quân sự và hẹn sẽ bố trí khám lại sau; đồng thời, hướng dẫn về việc khi bác sỹ hỏi thì nói không đúng sự thật về tình trạng sức khỏe để không trúng tuyển nghĩa vụ quân sự. Sau đó, Thanh L tiếp tục gọi điện thoại cho hai thanh niên nói trên đi khám sức khỏe nghĩa vụ quân sự vào ngày 08/12/2016.

Đến ngày 08/12/2016, Thanh L trực tiếp gọi điện thoại, nhắn tin cho C và Q; Thanh L hướng dẫn, tư vấn cách thức khám và cách khai báo nhằm không đạt tiêu chuẩn về sức khỏe tham gia nghĩa vụ quân sự. Tuy nhiên, do nghi ngờ có gian dối, Hội đồng nghĩa vụ quân sự xã G đã kiểm tra và phát hiện nên báo Cơ quan Cảnh sát điều tra để xác minh làm rõ. Sau đó, Hội đồng khám sức khỏe nghĩa vụ quân sự huyện T đã tiến hành khám lại đối với Nguyễn Thành C và Đỗ Hữu Q, các thanh niên này đã trúng tuyển nghĩa vụ quân sự và đã nhập ngũ.

Tại bản Cáo trạng số: 39/CT.VKS-HS ngày 09/5/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố bị cáo Nguyễn Vũ Hữu Đ về tội “Nhận hối lộ” theo quy định tại Khoản 1, Điều 279 Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Nguyễn Văn L về tội “Làm môi giới hối lộ” theo quy định tại Khoản 1, Điều 290 Bộ luật Hình sự và truy tố các bị cáo Hoàng Thị Thu H và Đỗ Văn K về tội “Đưa hối lộ” theo quy định tại Khoản 1, Điều 289 Bộ luật Hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 38/2017/HSST ngày 20/6/2017 và Thông báo đính chính bản án số: 01/TB-TA ngày 12/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện T đã quyết định: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Vũ Hữu Đ phạm tội “Nhận hối lộ”; bị cáo Nguyễn Văn L phạm tội “Làm môi giới hối lộ”; các bị cáo Hoàng Thị Thu H và Đỗ Văn K phạm tội “Đưa hối lộ”. Áp dụng Khoản 1, Điều 279 và Khoản 2, Điều 46 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Đ 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam ngày 06/02/2017. Áp dụng Khoản 1, Điều 290; Điểm p, Khoản 1 và Khoản 2, Điều 46 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo L 10 (mười) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án, được trừ thời gian tạm giam từ ngày 06/02/2017 đến ngày 04/5/2017. Áp dụng Khoản 1, Điều 289; Điểm p, Khoản 1 và Khoản 2, Điều 46, Điều 30 Bộ luật Hình sự 1999; Khoản 1, Điều 364 Bộ luật Hình sự 2015; xử phạt bị cáo H 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) và bị cáo K 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng). Bản án còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí, quyền kháng cáo theo luật định.

- Ngày 04/7/2017, bị cáo Nguyễn Vũ Hữu Đ kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung: Yêu cầu làm rõ sự thật vì bị cáo không nhận số tiền 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng). Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo vẫn giữ nguyên kháng cáo.

- Ngày 03/7/2017, bị cáo Nguyễn Văn L kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung: Yêu cầu xem xét lại bản án sơ thẩm theo hướng giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo vẫn giữ nguyên kháng cáo.

- Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai đã đánh giá, phát biểu quan điểm về vụ án như sau: Cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Nguyễn Vũ Hữu Đ về tội “Nhận hối lộ” theo quy định tại Khoản 1, Điều 279 của Bộ luật Hình sự và bị cáo Nguyễn Văn L về tội “Làm môi giới hối lộ” theo quy định tại Khoản 1, Điều 290 của Bộ luật Hình sự là chưa đúng với hành vi của các bị cáo. Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử cấp sơ thẩm cũng vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để điều tra lại theo thủ tục chung.

- Tại phiên tòa phúc thẩm, người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Vũ Hữu Đ do ông Hà Mạnh T trình bày: Cấp sơ thẩm có sai lầm nghiêm trọng về áp dụng tội danh đối với bị cáo. Việc điều tra, thu giữ vật chứng cũng có những vi phạm nghiêm trọng về tố tụng. Do đó, kháng cáo kêu oan của bị cáo Nguyễn Vũ Hữu Đ là có căn cứ pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo, hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại vụ án theo quy định của pháp luật; bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo và người bào chữa.

XÉT THẤY:

- Theo hồ sơ vụ án thể hiện:

+ Bị cáo Nguyễn Vũ Hữu Đ có hành vi nhận tiền của các bị cáo Hoàng Thị Thu H và Đỗ Văn K thông qua bị cáo Nguyễn Văn L. Mục đích đưa tiền của bị cáo H và bị cáo K là để con của họ (Nguyễn Thành C và Đỗ Hữu Q) không phải đi nghĩa vụ quân sự. Bị cáo Đ biết mình không có trong thành phần Hội đồng nghĩa vụ quân sự nên không có chức vụ, quyền hạn gì để can thiệp vào kết quả tuyển quân; tuy nhiên, bị cáo Đ vẫn hứa hẹn, nhận lời giúp và nhận tiền.

+ Sau khi nhận tiền, bị cáo Đ thông qua Nguyễn Thanh L là nhân viên của Trung tâm Y tế huyện T, Thanh Lập không phải là thành viên trong Hội đồng khám sức khỏe nghĩa vụ quân sự nên cũng không thể can thiệp vào kết quả khám sức khỏe cho C và Q. Thanh L chỉ đồng ý giúp bị cáo Đ bằng cách hướng dẫn hai thanh niên trên cách khai báo khi khám sức khỏe để không đạt tiêu

chuẩn tham gia nghĩa vụ quân sự.

- Về xác định tội danh trong vụ án:

Tại Điểm b, Khoản 2, Điều 36 của Luật Nghĩa vụ quân sự năm 2015 quy định như sau:

“Hội đồng nghĩa vụ quân sự cấp xã gồm:

Chủ tịch Hội đồng nghĩa vụ quân sự là Chủ tịch Ủy ban nhân dân;

Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng nghĩa vụ quân sự là Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự;

Phó Chủ tịch Hội đồng nghĩa vụ quân sự là Trưởng Công an;

Các ủy viên Hội đồng nghĩa vụ quân sự là người đứng đầu Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Y tế; công chức Tư pháp - Hộ tịch, Tài chính - Kế toán và một số thành viên khác do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quyết định”.

Bị cáo Nguyễn Vũ Hữu Đ có chức vụ là Phó Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự xã G. Căn cứ quy định nêu trên thì bị cáo Đ không phải là thành viên Hội đồng nghĩa vụ quân sự cấp xã. Cấp sơ thẩm chưa thu thập các chứng cứ quan trọng liên quan đến Hội đồng nghĩa vụ quân sự xã G là điều tra chưa đầy đủ. Bởi vì, chủ thể của tội “Nhận hối lộ” phải là người có chức vụ, quyền hạn để làm hoặc không làm một việc vì lợi ích theo yêu cầu của người đưa hối lộ.

- Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

+ Có căn cứ để cho rằng hành vi của bị cáo Nguyễn Vũ Hữu Đ phạm vào một tội khác; cấp sơ thẩm điều tra, truy tố và xét xử bị cáo Đ về tội “Nhận hối lộ” là không đúng; đồng thời, các bị cáo khác trong vụ án cũng cần phải được điều tra lại để xác định đúng hành vi của từng bị cáo trong vụ án.

+ Khi bị cáo Nguyễn Vũ Hữu Đ được giao nhận cáo trạng (bút lục số 194), bị cáo Đ thay đổi lời khai trong quá trình điều tra, cho rằng bị cáo không nhận 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng) từ bị cáo Nguyễn Văn L. Lời khai này là có sự mâu thuẫn với lời khai của bị cáo Đ trước đó và mâu thuẫn với lời khai của bị cáo L; tuy nhiên, cấp sơ thẩm không tiến hành đối chất để làm rõ là vi phạm quy định tại Điều 138 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

+ Theo Điểm b, Khoản 1, Điều 179 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 3 của Thông tư liên tịch số: 01/2010/TTLT - VKSNDTC - BCA - TANDTC ngày

27 tháng 8 năm 2010 giữa Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an và Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn thi hành các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự về trả hồ sơ để điều tra bổ sung; vụ án này thuộc trường hợp Tòa án cấp sơ thẩm phải trả hồ sơ để điều tra bổ sung hoặc xét xử về tội tương ứng bằng hay nhẹ hơn tội mà Viện kiểm sát truy tố; tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm không thực hiện điều này là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

+ Tại phiên tòa phúc thẩm, người bào chữa và bị cáo Đ đều cho rằng vật chứng của vụ án là chiếc điện thoại di động hiệu Nokia model 520 màu vàng chanh không phải là vật chứng của vụ án; bởi vì, chiếc điện thoại này không thể lắp được sim 09376262XX mà bị cáo dùng để liên lạc với Nguyễn Thanh L. Vấn đề này cũng cần phải được điều tra, xác minh lại để làm rõ vụ án.

+ Việc điều tra ở cấp sơ thẩm không đầy đủ mà cấp phúc thẩm không thể bổ sung được; đồng thời, cấp sơ thẩm cũng vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Do đó, hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ cho cấp sơ thẩm để điều tra lại theo đúng các quy định của pháp luật.

- Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; các bị cáo có kháng cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

- Đối với phần trình bày của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

- Đối với phần trình bày của ông Hà Mạnh T là người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Vũ Hữu Đ phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ Điều c, Khoản 2, Điều 248 và Điều 250 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Hủy toàn bộ Bản án hình sự sơ thẩm số: 38/2017/HSST ngày 20/6/2017 và Thông báo đình chính bản án số: 01/TB-TA ngày 12/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện T.

2. Chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân huyện T để điều tra lại theo thủ tục chung.

3. Về án phí: Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân huyện T;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện T (kèm hồ sơ vụ án);
- Trại Tạm giam – Công an tỉnh Đồng Nai (B5);
- Phòng PC 81 - Công an tỉnh Đồng Nai;
- Phòng PV 27 - Công an tỉnh Đồng Nai;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Huyện ủy T;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện T;
- Các bị cáo (4);
- Người bào chữa;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa Hình sự, Văn phòng và Thẩm phán (4).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký tên và đóng dấu

Nguyễn Văn Thành